TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 -2023.
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN T – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

- T ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi – T ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn," theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXX.ST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 443/2023/QĐHPT ngày 12 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1982.

HKTT: xã Tân Trung, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: xã long thọ, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1978.

HKTT: xã Tân Trung, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: xã Long Thọ, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà P, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/11/2022, bà Nguyễn Thị P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với ông Võ Văn H. Lý do xin ly hôn, theo bà P trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 2012 bà và ông H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân

Trung, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 09/11/2012). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã Tờng xuyên, vợ chồng không còn tôn trọng quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà P nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 cháu tên Võ Mai T, sinh ngày 14/11/2017. Sau khi ly hôn, bà xin chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Võ Văn H, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án nhân dân huyện Nhơn T không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ông H vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng, còn bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông H để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông H đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng bà P, ông H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, giải quyết cho bà P được ly hôn với ông H để trả tự do cả hai.

Về con chung: Có 01 cháu tên Võ Mai T, sinh ngày 14/11/2017. Sau khi ly hôn, bà xin chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, không cần ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị P xin ly hôn với ông Võ Văn H có địa chỉ cư trú tại: xã Long Thọ, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai.

Theo biên bản xác minh của công an xã Long Thọ cung cấp thông tin: ông H có đăng ký Tờng trú tại địa chỉ xã Long Thọ, huyện Nhơn T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai và hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Nhơn T có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông Võ Văn H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị P xin ly hôn với ông Võ Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 09/11/2012) theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã Tờng xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Nay bà P nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H. Qua kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà P, ông H thì được biết mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ do không có báo với địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông H để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông H đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà P, ông H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, giải quyết cho bà P được ly hôn với ông H để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Có 01 cháu tên Võ Mai T, sinh ngày 14/11/2017. Sau khi ly hôn, bà xin chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, không cần ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

[7] Đối với phần phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Nhơn T tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án như trên. Xét thấy, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; điều 228, điều 238 Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000; Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Võ Văn H

2. Về con chung: Có 01 cháu tên Võ Mai T, sinh ngày 14/11/2017. Sau khi ly hôn, bà xin chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, không cần ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà P, ông H được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn T, bà P đã nộp đủ.

5. Bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nhơn T (1);
- THADS huyện Nhơn T (2);
- TAND tỉnh Đồng Nai (3);
- UBND xã (4);
- Đương sự (5);
- Lưu hồ sơ vụ án (6).

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thu Thương